

15. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐVTDT ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Quản lý Văn hóa (Cultural Management)

2. **Mã ngành:** 7229042

3. **Chứng nhận kiểm định:** chưa kiểm định chất lượng

4. **Trình độ đào tạo:** Đại học

5. **Loại hình đào tạo:** Chính quy

6. **Điều kiện tuyển sinh:**

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án tuyển sinh của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. **Điều kiện tốt nghiệp:**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.

- Có đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp (đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp).

8. **Văn bằng tốt nghiệp:** Cử nhân Quản lý văn hóa

9. **Đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo cử nhân ngành Quản lý văn hóa có kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ; kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu và kiến thức thực tế vững chắc về ngành Quản lý văn hóa; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Mục tiêu cụ thể:

- PO1: *Áp dụng* được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội nhân văn, khoa học quản lý và lý thuyết ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý văn hóa.

- PO2: *Thể hiện* được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp trong các hoạt động quản lý văn hóa.

- PO3: *Hình thành* được năng lực xây dựng ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá và phát triển chương trình quản lý văn hóa đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- PO4: *Hình thành* được năng lực tự chủ và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp.

III. NỘI DUNG CHUẨN ĐẦU RA

1. Kiến thức

- PLO1.1.1. *Hiểu và vận dụng* được kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và thực tiễn công việc lĩnh vực quản lý văn hóa.

- PLO1.1.2. *Hiểu và vận dụng* được kiến thức chuyên sâu về nền tảng văn hóa Việt Nam, khoa học quản lý và các lĩnh vực quản lý văn hóa trong thực tế công việc lĩnh vực quản lý văn hóa.

- PLO1.1.3.

+ **Chuyên ngành Chính sách văn hóa và quản lý hoạt động nghệ thuật:** *Hiểu và áp dụng* được các văn bản quy phạm pháp luật về chính sách văn hóa và quản lý các hoạt động nghệ thuật để thực hiện công tác quản lý nhà nước về văn hóa.

+ **Chuyên ngành Tổ chức sự kiện:** *Hiểu và vận dụng* được kiến thức chuyên sâu về tổ chức sự kiện văn hóa; quy trình dàn dựng, tổ chức, điều hành, quản lý các sự kiện nói chung và sự kiện văn hóa nói riêng.

+ **Chuyên ngành Quản lý di sản văn hóa:** *Hiểu và vận dụng* được các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý di sản văn hóa để thực hiện công tác quản lý nhà nước về văn hóa.

2. Kỹ năng

- PLO2.1.1. *Kỹ năng* nghiên cứu, phân tích, đánh giá chính sách văn hóa. Có khả năng triển khai các văn bản quy phạm pháp luật quản lý nhà nước về văn hóa; kỹ năng xây dựng và quản lý dự án văn hóa.

- PLO2.1.2. *Kỹ năng* tổ chức và điều hành các hoạt động văn hóa nghệ thuật.

- PLO2.1.3.

+ **Chuyên ngành Chính sách văn hóa và quản lý hoạt động nghệ thuật:** Kỹ năng tham mưu cho các cấp lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kỹ năng phối hợp với các cơ quan, đoàn thể, tổ chức khác trong thực hiện các nhiệm vụ văn hoá nói chung và quản lý nhà nước về văn hoá nói riêng;

+ **Chuyên ngành Tổ chức sự kiện:** Kỹ năng xây dựng kịch bản, lập kế hoạch, quản trị tài chính, dàn dựng và truyền thông sự kiện.

+ **Chuyên ngành Quản lý di sản văn hóa:** Kỹ năng tham mưu và tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể;

3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học

- PLO3.1. *Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm* theo yêu cầu của nhiệm vụ quản lý văn hóa theo nhu cầu cải tiến các phương pháp quản lý, cách thức làm việc, tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm và đối với sản phẩm do mình tạo ra.

- PLO3.2. *Khả năng tổ chức, hướng dẫn, giám sát và tương tác* trong hoạt động của cơ quan, doanh nghiệp, tập thể và cộng đồng.

- PLO3.3. *Khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý* các nguồn lực về cơ sở vật chất, con người, khả năng đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động quản lý văn hóa trong phạm vi hoạt động chuyên môn của mình.

4. Năng lực

- PLO4.1. *Năng lực phản biện* các kiến thức và phương pháp quản lý văn hóa, hình thành các giải pháp thay thế phù hợp.

- PLO4.2. *Năng lực nghiên cứu, quan sát, tìm hiểu và đánh giá* thực trạng quản lý văn hóa để làm cơ sở đề xuất các phương pháp triển khai hiệu quả.

- PLO4.3. *Năng lực đánh giá* được hiệu quả công việc của bản thân, đồng nghiệp và điều chỉnh kế hoạch làm việc phù hợp với thực tiễn.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

1. Chuyên ngành Chính sách văn hóa và quản lý nghệ thuật

- Làm việc tại các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của đảng và nhà nước; tổ chức kinh tế - xã hội có sử dụng kiến thức về chính sách văn hóa và quản lý nghệ thuật; Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ quan nghiên cứu, đào tạo về di sản, văn hóa và du lịch;

- Làm việc tại các công ty, đơn vị biểu diễn nghệ thuật, trung tâm giáo dục nghệ thuật; các phòng tranh (gallery); các khu vui chơi, giải trí hoặc làm việc như những nhân viên độc lập (freelancer) cho các chương trình, sự kiện, hay dự án nghệ thuật.

2. Chuyên ngành Tổ chức sự kiện

- Làm việc tại các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của đảng và nhà nước; tổ chức kinh tế - xã hội có sử dụng kiến thức về chính sách văn hóa; Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ quan nghiên cứu, đào tạo về di sản, văn hóa và du lịch;

- Làm việc tại các công ty, đơn vị tổ chức sự kiện, công ty truyền thông, du lịch, các điểm vui chơi, giải trí...

- Tự thành lập công ty tổ chức sự kiện hoặc làm việc như những nhân viên độc lập (freelancer) cho các chương trình, sự kiện.

3. Chuyên ngành Quản lý di sản văn hóa

- Làm việc tại các cơ quan hoạch định đường lối, chính sách của đảng và nhà nước; tổ chức kinh tế - xã hội có sử dụng kiến thức về chính sách văn hóa; Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ quan nghiên cứu, đào tạo về di sản, văn hóa và du lịch;

- Làm việc trong hệ thống các cơ quan quản lý, đơn vị sự nghiệp về lĩnh vực di sản văn hóa; các doanh nghiệp dịch vụ của công nghiệp di sản, du lịch nhà nước và tư nhân.

V. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Học thêm ngành đại học thứ 2 những ngành có cùng các môn xét tuyển như: Quản lý Nhà nước, Luật, Chính trị học, Báo chí, Công tác xã hội, Du lịch...

- Học nâng cao sau đại học trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CĐR của chương trình đào tạo Đại học ngành Quản lý Văn hóa, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý văn hóa Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý văn hóa Trường Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành Quản lý văn hóa Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

2. Tài liệu tham khảo

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH* ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT* ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg* ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

- *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* ngày 14/6/2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Quyết định số 1330/QĐ-ĐVTD* ngày 01/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định đào tạo trình

độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa./.